



**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN & KIỂM TOÁN PHÍA NAM**  
SOUTHERN AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES COMPANY LIMITED (AASCS)

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN  
ĐA QUỐC GIA I.D.I**

*Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
6 tháng đầu của năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016  
đã được soát xét*

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN  
ĐA QUỐC GIA I.D.I**

*Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
6 tháng đầu của năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016  
đã được soát xét*

Được kiểm toán bởi

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)**



**MỤC LỤC**

<b>Nội dung</b>	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 03
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	04 - 04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	05 - 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	09 - 09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10 - 11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	12 - 49

0314129  
CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN  
ĐA QUỐC GIA  
I.D.I  
T. ĐÓN

011729-C  
CÔNG TY  
NHIỆM VỤ HỮU HẠ  
VỤ TƯ VẤN  
KẾ TOÁN  
KIỂM TOÁN  
T. NAM  
PHỐ CHI

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I

Địa chỉ: QL 80, cụm công nghiệp Vàm Cống, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa quốc gia I.D.I (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty 6 tháng đầu của năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016.

### CÔNG TY

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I là một doanh nghiệp cổ phần được thành lập theo Giấy phép Đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.Hồ Chí Minh cấp ngày 15 tháng 7 năm 2003; Đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 28 tháng 10 năm 2004; Đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 15 tháng 2 năm 2007 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 17 số 0303141296 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 09 tháng 06 năm 2016.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 30/06/2016 là: **1.816.096.710.000 VND**

**Trụ sở chính của Công ty tại:** Quốc lộ 80, cụm công nghiệp Vàm Cống, ấp An Thạnh, xã Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất chế biến thủy hải sản.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh:

Mua bán chế biến thủy hải sản; Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông. Kinh doanh nhà. Kinh doanh khách sạn; Mua bán vật liệu xây dựng, trang trí nội thất. Nuôi trồng thủy sản. Sản xuất và chế biến thức ăn thủy sản; Kinh doanh bất động sản (không bao gồm kinh doanh dịch vụ bất động sản). Sản xuất bao bì nhựa - giấy, nước đóng chai; Sản xuất và đóng hộp dầu, mỡ động thực vật. Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Bốc xếp hàng hóa cảng biển. Vận tải hàng hóa đường bộ bằng ô tô chuyên dụng, đường thủy nội địa bằng phương tiện cơ giới.

#### 4. Cấu trúc của Công ty

Công ty con:

##### - CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DU LỊCH VÀ PHÁT TRIỂN THỦY SẢN

+ Địa chỉ : Quốc lộ 80, cụm công nghiệp Vàm Cống, ấp An Thạnh, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp

+ Vốn điều lệ : 381.000.000.000 VND (Đã góp đủ)

+ Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ : 79,25%

+ Tỷ lệ quyền biểu quyết : 79,25%

##### - CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

+ Địa chỉ: 326 Hùng Vương-P.Mỹ Long-Tp.Long Xuyên An Giang

+ Vốn: 120.000.000.000 VND ( chưa góp đủ )

+ Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 72,80%

+ Tỷ lệ quyền biểu quyết : 75,35%

### KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tình hình tài chính tại ngày 30/06/2016 được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

### **CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 30/06/2016 cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT, ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Ông:	Lê Thanh Thuần	Chủ tịch
Ông:	Nguyễn Văn Hưng	Phó chủ tịch
Ông:	Lê Xuân Quế	Thành viên
Ông:	Trương Vĩnh Thành	Thành viên
Ông:	Phạm Đình Nam	Thành viên
Ông:	Lê Văn Chung	Thành viên
Ông:	Ông Lê Văn Thành	Thành viên
Bà :	Lê Thị Phụng	Thành viên
Ông:	Trương Công Khánh	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc bao gồm:

Ông:	Lê Văn Chung	Tổng Giám đốc
Ông:	Phạm Đình Nam	P.Tổng Giám đốc
Ông:	Lê Văn Cảnh	P.Tổng Giám đốc
Ông:	Lê Đình Lịch	P.Tổng Giám đốc
Ông:	Nguyễn Thanh Hải	P.Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông:	Lê Hoàng Cương	Trưởng ban
Bà :	Nguyễn Thị Hương	Ủy viên
Ông:	Lê Thanh Dũng	Ủy viên

Đại diện theo pháp luật:

Ông: Lê Văn Chung

Kế toán trưởng:

Ông: Lê Xuân Định

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

### **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty 6 tháng đầu của năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho 06 tháng đầu năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### **CAM KẾT KHÁC**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 do Bộ tài chính ban hành về hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

### **PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa quốc gia I.D.I phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016 của Công ty.

Đồng Tháp, ngày 29 tháng 07 năm 2016

**Thay mặt Hội đồng Quản trị**  
Chủ tịch

**Thay mặt Ban Tổng Giám đốc**  
Tổng Giám đốc

**LÊ THANH THUẬN**



**LÊ VĂN CHUNG**

Số: 526A/BCKT/TC/2016/AASCS

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**  
**của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa quốc gia I.D.I**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa quốc gia I.D.I được lập ngày 29 tháng 07 năm 2016, từ trang 05 đến trang 49, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm tài chính kết thúc cùng ngày, và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410. Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

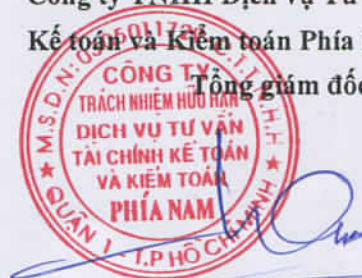
### **Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30/06/2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 8 năm 2016

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính**  
**Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)**

**Tổng giám đốc**



**Đỗ Khắc Thanh**

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 0064-2013-142-1  
29 Võ Thị Sáu Street, District 1, Ho Chi Minh City

Tel: (08) 3820 5944 - (08) 3820 5947 - Fax: (08) 3820 5942  
Email: info@aascs.com.vn Website: www.aascs.com.vn

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>3.872.438.701.307</b>	<b>2.632.373.142.290</b>
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.01	426.726.342.831	468.896.056.459
111	1. Tiền		181.564.812.400	413.497.941.810
112	2. Các khoản tương đương tiền		245.161.530.431	55.398.114.649
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>V.02</b>	<b>916.222.862.388</b>	<b>319.144.862.388</b>
121	1. Chứng khoán kinh doanh		1.844.862.388	1.844.862.388
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)			
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		914.378.000.000	317.300.000.000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>1.854.164.137.173</b>	<b>1.059.583.612.209</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.03	860.364.599.272	514.366.615.308
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		837.094.261.805	388.088.340.747
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn			
134	4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng			
135	5. Phải thu về cho vay ngắn hạn			
136	6. Phải thu ngắn hạn khác	V.04	203.090.156.497	201.681.589.045
137	7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		(46.390.696.801)	(44.552.932.891)
139	8. Tài sản thiếu chờ xử lý		5.816.400	
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>V.06</b>	<b>663.262.554.110</b>	<b>770.627.299.462</b>
141	1. Hàng tồn kho		663.458.884.696	770.627.299.462
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(196.330.586)	
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>12.062.804.805</b>	<b>14.121.311.772</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.11	2.162.876.548	1.975.119.710
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		9.338.788.333	11.539.503.949
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.14	561.139.924	606.688.113
154	4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ			
155	5. Tài sản ngắn hạn khác			





## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>822.661.242.871</b>	<b>847.836.239.918</b>
210	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>41.312.419.450</b>	<b>7.101.044.450</b>
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng			
212	2. Trả trước cho người bán dài hạn			
213	3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc			
214	3. Phải thu nội bộ dài hạn			
215	5. Phải thu về cho vay dài hạn			
216	6. Phải thu dài hạn khác	V.04	41.312.419.450	7.101.044.450
219	7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)			
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>741.882.279.406</b>	<b>758.199.130.205</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.08	441.099.416.404	459.827.058.010
222	- Nguyên giá		628.479.260.862	626.439.267.197
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(187.379.844.458)	(166.612.209.187)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	V.09	120.007.585.725	115.880.718.244
225	- Nguyên giá		128.447.280.096	118.887.765.096
226	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(8.439.694.371)	(3.007.046.852)
227	3. Tài sản cố định vô hình	V.10	180.775.277.277	182.491.353.951
228	- Nguyên giá		184.551.458.142	184.551.458.142
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(3.776.180.865)	(2.060.104.191)
230	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>			
231	- Nguyên giá			
232	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)			
240	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	V.07	<b>15.176.359.603</b>	<b>10.641.737.118</b>
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn			
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		15.176.359.603	10.641.737.118
250	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	V.02	<b>14.000.000.000</b>	<b>71.278.861.305</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con			
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết			57.278.861.305
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		14.000.000.000	14.000.000.000
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)			
260	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>10.290.184.412</b>	<b>615.466.840</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.11	10.167.880.179	468.701.762
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại			
263	3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn			
268	4. Tài sản dài hạn khác			
269	5. Lợi thế thương mại	V.11	122.304.233	146.765.078
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>4.695.099.944.178</b>	<b>3.480.209.382.208</b>

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>2.568.212.689.287</b>	<b>2.259.528.621.464</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>2.012.106.831.330</b>	<b>1.916.483.967.959</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.13	274.773.184.045	341.843.170.627
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		18.959.691.856	29.724.547.624
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.14	11.957.522.587	11.788.040.769
314	4. Phải trả người lao động		14.823.766.737	21.527.489.783
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn			
316	6. Phải trả nội bộ ngắn hạn			
317	7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng			
318	8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	V.16	124.111.011	
319	9. Phải trả ngắn hạn khác	V.15	27.543.829.232	23.417.266.270
320	10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.12	1.657.738.115.984	1.482.974.207.817
321	11. Dự phòng phải trả ngắn hạn			
322	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		6.186.609.878	5.209.245.069
323	13. Quỹ bình ổn giá			
324	14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ			
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>556.105.857.957</b>	<b>343.044.653.505</b>
331	1. Phải trả người bán dài hạn			
332	2. Người mua trả tiền trước dài hạn			
333	3. Chi phí phải trả dài hạn			
334	4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh			
335	5. Phải trả nội bộ dài hạn			
336	6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn			
337	7. Phải trả dài hạn khác			
338	8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.12	556.105.857.957	343.044.653.505
339	9. Trái phiếu chuyển đổi			
340	10. Cổ phiếu ưu đãi			
341	11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả			
342	12. Dự phòng phải trả dài hạn			
343	13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ			

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
400	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>V.17</b>	<b>2.126.887.254.891</b>	<b>1.220.680.760.744</b>
410	I. Vốn chủ sở hữu		2.022.138.095.038	1.118.302.937.098
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		1.816.096.710.000	983.250.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.816.096.710.000	983.250.000.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi			
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		17.060.700.000	17.266.800.000
413	3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu			
414	4. Vốn khác của chủ sở hữu			
415	5. Cổ phiếu quỹ (*)		(42.000.000)	(42.000.000)
416	6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản			
417	7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái			
418	8. Quỹ đầu tư phát triển		23.372.008.792	21.679.256.617
419	9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp			
420	10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu			
421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		165.650.676.246	96.148.880.481
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		92.152.758.054	25.546.550.691
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		73.497.918.192	70.602.329.790
422	12. Nguồn vốn đầu tư XDCB			
429	13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		104.749.159.853	102.377.823.646
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác			
431	1. Nguồn kinh phí			
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ			
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>4.695.099.944.178</b>	<b>3.480.209.382.208</b>

Đồng Tháp, ngày 29 tháng 07 năm 2016

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng



TRẦN PHƯỚC MINH

LÊ XUÂN ĐỊNH

LÊ VĂN CHUNG

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.01	1.914.330.252.622	1.159.659.741.159
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	VI.02	1.186.746.401	28.591.366.638
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.913.143.506.221	1.131.068.374.521
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.03	1.729.577.533.125	964.498.709.613
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		183.565.973.096	166.569.664.908
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.04	41.297.370.133	4.454.661.267
22	7. Chi phí tài chính	VI.05	71.565.454.863	59.661.996.459
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		59.636.026.590	50.227.802.686
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong Công ty liên doanh liên kết		2.721.138.695	12.120.341.284
25	9. Chi phí bán hàng	VI.06	56.184.357.582	53.383.597.953
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.06	18.969.700.107	16.361.987.196
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		80.864.969.372	53.737.085.851
31	12. Thu nhập khác	VI.07	1.908.869.521	28.290.787.809
32	13. Chi phí khác	VI.08	881.893.685	2.484.144.650
40	14. Lợi nhuận khác		1.026.975.836	25.806.643.159
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		81.891.945.208	79.543.729.010
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	VI.10	6.466.020.252	12.422.448.548
52	17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại			
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		75.425.924.956	67.121.280.462
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		73.497.918.192	63.588.589.427
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		1.928.006.764	3.532.691.035
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		643	794
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu			685

Đồng Tháp, ngày 29 tháng 07 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc  
 Tổng Giám đốc



TRẦN PHƯỚC MINH



LÊ XUÂN ĐỊNH



LÊ VĂN CHUNG

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
<b>01</b>	<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>81.891.945.208</b>	<b>67.121.280.462</b>
	<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>			
	<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
02	1. Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT		27.916.359.464	23.942.559.376
03	2. Các khoản dự phòng		(1.702.090.099)	(1.300.414.013)
04	3. Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(8.143.588.572)	3.021.751.951
05	4. Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(29.351.692.567)	(12.675.451.914)
06	5. Chi phí lãi vay		59.636.026.590	50.227.802.686
07	6. Các khoản điều chỉnh khác			5.175.978.726
<b>08</b>	<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>130.246.960.024</b>	<b>135.513.507.274</b>
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(562.489.017.500)	(567.126.855.687)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		107.049.374.159	(4.201.151.189)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(53.542.216.879)	(136.236.602.197)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(9.886.935.255)	(8.727.576.187)
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh			
14	- Tiền lãi vay đã trả		(53.287.322.673)	(42.074.415.163)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(6.535.844.282)	(11.747.493.021)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh			
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(90.676.000)	(5.129.016.568)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(448.535.678.406)</b>	<b>(639.729.602.738)</b>
	<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(266.548.638.569)	(155.813.232.769)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác			156.123.059.000
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(938.578.000.000)	(307.070.529.609)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		307.500.000.000	4.700.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			(4.000.000.000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		60.000.000.000	18.074.000.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		21.854.780.067	1.500.802.458
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(815.771.858.502)</b>	<b>(286.485.900.920)</b>

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		832.846.710.000	399.000.000.000
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành			
33	3. Tiền thu từ đi vay		2.741.069.946.432	2.628.323.421.419
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		(2.342.135.192.419)	(1.975.757.740.071)
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		(9.354.974.750)	(16.726.570.826)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu			(33.250.000)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>1.222.426.489.263</b>	<b>1.034.805.860.522</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>		<b>(41.881.047.645)</b>	<b>108.590.356.864</b>
60	<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>		<b>468.896.056.459</b>	<b>66.127.208.356</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(288.665.983)	1.483.691
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>		<b>426.726.342.831</b>	<b>174.719.048.911</b>

Đồng Tháp, ngày 29 tháng 07 năm 2016

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng

TRẦN PHƯỚC MINH

LÊ XUÂN ĐỊNH



LÊ VĂN CHUNG

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I là một doanh nghiệp cổ phần được thành lập theo Giấy phép Đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.Hồ Chí Minh cấp ngày 15 tháng 7 năm 2003; Đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 28 tháng 10 năm 2004; Đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 15 tháng 2 năm 2007 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 17 số 0303141296 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 09 tháng 06 năm 2016.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 30/06/2016 là: **1.816.096.710.000 VND**

Trụ sở chính của Công ty tại: Quốc lộ 80, cụm công nghiệp Vàm Cống, ấp An Thạnh, xã Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất chế biến thủy hải sản.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Mua bán chế biến thủy hải sản; Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông. Kinh doanh nhà. Kinh doanh khách sạn; Mua bán vật liệu xây dựng, trang trí nội thất. Nuôi trồng thủy sản. Sản xuất và chế biến thức ăn thủy sản; Kinh doanh bất động sản (không bao gồm kinh doanh dịch vụ bất động sản). Sản xuất bao bì nhựa - giấy, nước đóng chai; Sản xuất và đóng hộp dầu, mỡ động thực vật. Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Bốc xếp hàng hóa cảng biển. Vận tải hàng hóa đường bộ bằng ô tô chuyên dụng, đường thủy nội địa bằng phương tiện cơ giới.

#### 4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng

#### 5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ: Không có

#### 6. Cấu trúc doanh nghiệp

##### - Tổng số các Công ty con

+ Số lượng Công ty con được hợp nhất: 02

+ Số lượng Công ty con không được hợp nhất

##### - Danh sách công ty con bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết
+ Công ty Cp ĐT Du lịch và Phát triển Thủy Sản	QL80, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.	79,25%	79,25%
+ Công ty Cp Tư vấn và Đầu tư Tài Chính	326 Hùng Vương-P.Mỹ Long-Tp.Long Xuyên An Giang	72,80%	75,35%

### II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

### III . CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1 . Chế độ kế toán:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014, thông tư 202/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các Thông tư, văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện.

#### 2 . Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

### IV . CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

##### a. Tỷ giá đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): Là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa doanh nghiệp và ngân hàng thương mại;

Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán thì doanh nghiệp ghi sổ kế toán theo nguyên tắc:

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

+ Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả), tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

+ Tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh được áp dụng khi thu hồi các khoản nợ phải thu, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, được xác định bằng tỷ giá tại thời điểm giao dịch phát sinh.

+ Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động được áp dụng tại bên Có tài khoản tiền khi thanh toán bằng ngoại tệ.

+ Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh và được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

##### b. Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên giao dịch công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và số chênh lệch còn lại sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ. Doanh nghiệp không được chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức trên lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

### Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

#### a. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

#### b. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi còn lại không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

#### c. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Khi phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ, bên Nợ các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế và bên Có các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền. Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư ngoại tệ và vàng tiền tệ theo nguyên tắc:

- Số dư ngoại tệ: theo tỷ giá mua ngoại tệ thực tế của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Vàng tiền tệ: theo giá mua trên thị trường trong nước tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Giá mua trên thị trường trong nước là giá mua được công bố bởi Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp Ngân hàng Nhà nước không công bố giá mua vàng thì tính theo giá mua công bố bởi các đơn vị được phép kinh doanh vàng theo luật định.

### Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp như: đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác...

Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

#### + Chứng khoán kinh doanh

Là khoản đầu tư mua chứng khoán và công cụ tài chính khác vì mục đích kinh doanh (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời). Chứng khoán kinh doanh bao gồm:

- Cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán;
- Các loại chứng khoán và công cụ tài chính khác như thương phiếu, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi ...

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ theo giá gốc. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu.

Khoản cổ tức được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư. Khi nhà đầu tư được nhận thêm cổ phiếu mà không phải trả tiền do Công ty cổ phần phát hành thêm cổ phiếu từ thặng dư vốn cổ phần, quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu hoặc chia cổ tức bằng cổ phiếu, nhà đầu tư chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm.

Trường hợp hoán đổi cổ phiếu phải xác định giá trị cổ phiếu theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi.

Khi thanh lý, nhượng bán chứng khoán kinh doanh, giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động cho từng loại chứng khoán.

- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh: phần giá trị tổn thất có thể xảy ra khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán Công ty đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh bị giảm so với giá trị ghi sổ. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

### + Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư này không phản ánh các loại trái phiếu và công cụ nợ nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (thời gian thu hồi còn lại từ 3 tháng trở lên), tín phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu chưa được lập dự phòng theo quy định của pháp luật, Công ty phải đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thể thu hồi được, số tổn thất phải ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy thì không ghi giảm khoản đầu tư và được thuyết minh về khả năng thu hồi của khoản đầu tư trên Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### + Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính dài hạn

#### Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết:

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty phản ánh khoản vốn góp theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp này, các khoản góp vốn góp vào Công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận theo giá gốc trong Báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của bên góp vốn liên doanh trong tài sản thuần của Công ty liên doanh, liên kết khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty mẹ và sử dụng chính sách kế toán nhất quán. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Công ty mẹ trong trường hợp cần thiết.

Các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận là chi phí tài chính trong kỳ.

- Dự phòng tổn thất đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết: Đối với khoản dự phòng đầu tư tài chính được trích lập trong kỳ liên quan đến khoản đầu tư vào công ty con, liên doanh, liên kết của Công ty. Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất, được thực hiện điều chỉnh giảm để loại trừ số dự phòng được trích lập trong kỳ.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

### + Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được thể hiện theo nguyên giá, bao gồm giá mua cộng các chi phí mua phát sinh liên quan.

### Phương pháp lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư:

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập khi Công ty cho rằng việc giảm giá này không mang tính tạm thời.

### Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa giá trị hợp nhất kinh doanh lớn hơn phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng ( nếu có ) của bên bị mua. Lợi thế thương mại được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng, thời gian phân bổ không quá 10 năm.

### Nguyên tắc kế toán các khoản phải thu:

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại ngoại tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ, tỷ giá ghi nhận là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, các khoản phải thu có gốc ngoại tệ được đánh giá lại số dư theo tỷ giá thực tế là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Trường hợp doanh nghiệp có nhiều khoản phải thu và giao dịch tại nhiều ngân hàng thì được chủ động lựa chọn tỷ giá mua của một trong những ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch, khoản chênh lệch tỷ giá được hạch toán bù trừ sau đó hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính. Riêng khoản mục tiền trả trước cho khách hàng không đánh giá lại số dư.

- **Lập dự phòng phải thu khó đòi:** Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phát sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

### Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- **Dự phòng giảm giá hàng tồn kho:** cuối niên độ kế toán, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm hoặc để sẵn sàng bán sản phẩm thì Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

### Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ), thuê tài chính, bất động sản đầu tư:

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 20 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 30 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 10 năm
- Quyền sử dụng đất vô thời hạn	Không tính khấu hao

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

### Nguyên tắc ghi nhận các hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của các bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Bên nhận tài sản các bên đóng góp cho hoạt động BCC kế toán khoản này là nợ phải trả, không được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. BCC có các hình thức sau:

- BCC theo hình thức tài sản đồng kiểm soát;
- BCC theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát;
- BCC theo chia lợi nhuận sau thuế.

### Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý, nhất quán.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo nguyên tắc như sau:

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là ngắn hạn.
- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là dài hạn.

### Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả:

Bao gồm các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

- Có thời hạn thanh toán không quá 12 tháng hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

Đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ, tỷ giá ghi nhận là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, các khoản phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại số dư theo tỷ giá thực tế là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, khoản chênh lệch tỷ giá được hạch toán bù trừ sau đó hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính; Riêng khoản mục tiền người mua trả tiền trước không đánh giá lại số dư.

### Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai không phản ánh vào khoản mục này.

Các khoản vay, nợ cần được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, từng kế ước và từng loại tài sản vay nợ. Các khoản nợ thuê tài chính được phản ánh theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### Nguyên tắc ghi nhận vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ, trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

### Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm doanh thu nhận trước như: số tiền khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản; khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ; chênh lệch giữa bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết so với giá bán trả tiền ngay; doanh thu tương ứng với hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống.

Số dư các khoản doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ nếu không có bằng chứng chắn chắn cho thấy Công ty sẽ phải trả lại khoản tiền nhận trước cho khách hàng bằng ngoại tệ thì không đánh giá chênh lệch tỷ giá tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

- Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và được theo dõi chi tiết cho từng tổ chức, từng cá nhân tham gia góp vốn.

Khi giấy phép đầu tư quy định vốn điều lệ của công ty được xác định bằng ngoại tệ thì việc xác định phần vốn góp của nhà đầu tư bằng ngoại tệ được căn cứ vào số lượng ngoại tệ đã thực góp.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Vốn góp bằng tài sản được ghi nhận tăng vốn chủ sở hữu theo giá đánh giá lại của tài sản được các bên góp vốn chấp nhận. Đối với tài sản vô hình như thương hiệu, nhãn hiệu, tên thương mại, quyền khai thác, phát triển dự án ... chỉ được tăng vốn góp nếu pháp luật có liên quan cho phép.

Đối với công ty cổ phần, vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, nhưng được phản ánh tại hai chỉ tiêu riêng:

- Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo mệnh giá của cổ phiếu;
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành cổ phiếu và mệnh giá.

Ngoài ra, thặng dư vốn cổ phần cũng được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi tái phát hành cổ phiếu quỹ.

*- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối*

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân chia lợi nhuận hoạt động kinh doanh của công ty phải đảm bảo theo đúng chính sách tài chính hiện hành.

Công ty mẹ phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất cao hơn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và nếu số lợi nhuận quyết định phân phối vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng, công ty mẹ chỉ thực hiện phân phối sau khi đã điều chuyển lợi nhuận từ các công ty con về công ty mẹ.

Khi phân phối lợi nhuận cần cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức, lợi nhuận của công ty.

### **Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

*- Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*- Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

### - Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Đối với tiền lãi thu từ các khoản cho vay, bán hàng trả chậm, trả góp: doanh thu được ghi nhận khi chắc chắn thu được và khoản gốc cho vay, nợ gốc phải thu không bị phân loại là quá hạn cần phải lập dự phòng. Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

### - Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo một trong hai trường hợp sau:

- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định tại ngày lập Báo cáo;
- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu ghi nhận tương đương chi phí đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

### - Nguyên tắc ghi nhận thu nhập khác

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty: nhượng bán, thanh lý TSCĐ; tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ; thu nhập từ quà biếu, tặng bằng tiền, hiện vật ...

### Nguyên tắc ghi nhận các khoản giảm trừ doanh thu

Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

- Điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ;
- Điều chỉnh giảm doanh thu như sau nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh sau kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ:
  - + Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
  - + Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của kỳ sau kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Chiết khấu thương mại phải trả là khoản Công ty bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.

Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

Hàng bán trả lại phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân như vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

### Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư ...

Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

### Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoạt động tài chính: chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; chi phí góp vốn liên doanh, liên kết; lỗ chuyển nhượng chứng khoán; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

### Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ. Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý công ty; tiền thuê đất, thuê môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác...

### Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

### Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

### Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.

### Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

### Công cụ tài chính

#### a. Tài sản tài chính

Theo Thông tư 210, Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm:

- Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn;
- Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường;
- Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu.

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu tài sản tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua, phát hành.

#### b. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Theo Thông tư 210, Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm:

- Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là nợ phải trả được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

- Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Việc phân loại nợ phải trả tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản nợ và vay.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu tất cả nợ phải trả tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

**Công cụ vốn Chủ sở hữu (CSH):** Là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

**Bù trừ các công cụ tài chính:** Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

### Nguyên tắc và phương pháp lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia IDI và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Giao dịch hợp nhất qua nhiều giai đoạn, trước khi thực hiện việc loại trừ khoản đầu tư của công ty mẹ và công ty con, kế toán phải thực hiện một số điều chỉnh đối với giá phí khoản đầu tư của công ty mẹ trên Báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

Trường hợp trước ngày công ty mẹ đạt được quyền kiểm soát, công ty mẹ không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc: Khi đạt được quyền kiểm soát đối với công ty con, trên Báo cáo tài chính hợp nhất công ty mẹ phải đánh giá lại giá trị khoản đầu tư trước đây theo giá trị hợp lý tại ngày kiểm soát công ty con. Phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Trường hợp trước ngày công ty mẹ đạt được quyền kiểm soát, công ty con là công ty liên kết của công ty mẹ và đã được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu: Khi đạt được quyền kiểm soát, trên Báo cáo tài chính hợp nhất công ty mẹ phải đánh giá lại giá trị khoản đầu tư theo giá trị hợp lý. Phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất; Phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào các chỉ tiêu thuộc phân vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Thoái vốn tại công ty con:

Số chênh lệch giữa số thu từ việc thoái vốn tại công ty con và giá trị phần tài sản thuần của công ty con bị thoái vốn cộng với giá trị phần lợi thế thương mại chưa được phân bổ hết được ghi nhận ngay trong kỳ phát sinh theo nguyên tắc:

- Nếu giao dịch thoái vốn không làm công ty mẹ mất quyền kiểm soát đối với công ty con: toàn bộ chênh lệch nêu trên được ghi nhận vào chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất;

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

- Nếu giao dịch thoái vốn dẫn đến công ty mẹ mất quyền kiểm soát đối với công ty con: toàn bộ chênh lệch nêu trên được ghi nhận vào Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất. Khoản đầu tư vào công ty con sẽ được hạch toán như một khoản đầu tư tài chính thông thường theo phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ khi công ty mẹ không còn nắm giữ quyền kiểm soát công ty con.

- Nếu thời điểm thoái vốn cách xa thời điểm lập báo cáo: Do công ty con đã trở thành công ty liên kết nên trên Báo cáo tài chính hợp nhất, công ty mẹ không tiếp tục hợp nhất toàn bộ công ty con mà chỉ hợp nhất kết quả của công ty con kể từ đầu kỳ đến thời điểm thoái vốn.

Các báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Lợi ích công ty mẹ và cổ đông không kiểm soát nắm giữ tại công ty con bao gồm lợi ích trực tiếp và gián tiếp có được thông qua công ty con khác. Việc xác định lợi ích của các bên được căn cứ vào tỷ lệ vốn góp (trực tiếp và gián tiếp) tương ứng của từng bên trong công ty con, trừ khi có thỏa thuận khác.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất thành một chỉ tiêu riêng thuộc phần vốn chủ sở hữu. Phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong Báo cáo kết quả kinh doanh của tập đoàn cũng phải được trình bày thành chỉ tiêu riêng biệt trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và trong sự biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ do lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và các khoản thu nhập, chi phí trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất được loại trừ hoàn toàn.

### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

#### 01. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2016	01/01/2016
Tiền mặt	826.864.662	483.689.005
Tiền gửi không kỳ hạn	180.737.947.738	38.343.519.351
Tiền đang chuyển		
Các khoản tương đương tiền	245.161.530.431	27.300.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn	245.161.530.431	27.300.000.000
- Các khoản đầu tư khác nắm giữ đến ngày đáo hạn		
<b>Cộng</b>	<b>426.726.342.831</b>	<b>66.127.208.356</b>

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

6 tháng đầu của năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

### **02. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	30/06/2016		01/01/2016		
	Giá gốc	Giá hợp lý	Dự phòng	Giá hợp lý	Dự phòng
<b>a) Chứng khoán kinh doanh</b>					
Tổng giá trị cổ phiếu	1.844.862.388	1.846.881.000		1.844.862.388	1.995.015.000
+ ASM	1.844.862.388	1.846.881.000		1.844.862.388	1.995.015.000
<b>Cộng</b>	<b>1.844.862.388</b>	<b>1.846.881.000</b>		<b>1.844.862.388</b>	<b>1.995.015.000</b>
<b>b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>					
	30/06/2016		01/01/2016		
b1) Ngắn hạn	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	
- Tiền gửi có kỳ hạn	914.378.000.000	914.378.000.000	317.300.000.000	317.300.000.000	
<b>Cộng</b>	<b>914.378.000.000</b>	<b>914.378.000.000</b>	<b>317.300.000.000</b>	<b>317.300.000.000</b>	
<b>c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>					
	30/06/2016		01/01/2016		
	Giá gốc	Giá hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết					
+ Công ty Cp Dầu Cá Châu Á (*)	14.000.000.000			57.278.861.305	
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>	<b>14.000.000.000</b>			<b>14.000.000.000</b>	
+ Công ty Cp Nhựt Hồng (*)	14.000.000.000			14.000.000.000	
<b>Cộng</b>	<b>14.000.000.000</b>			<b>71.278.861.305</b>	

#### **Ghi chú:**

(\*) Do các công ty này chưa thực hiện niêm yết cổ phiếu trên các thị trường chứng khoán, nên giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào các công ty này chưa thể xác định được để trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo quy định của Thông tư 200/TT-BTC.



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

### 03 . PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	30/06/2016	01/01/2016
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>860.364.599.272</b>	<b>514.366.615.308</b>
+ Công ty TNHH MTV Kiểm Định & Đầu Tư Toàn Cầu	192.286.971.916	103.979.426.201
+ Công ty CP Dầu cá Châu Á	108.683.861.247	
+ LLC"MEKONG FOOD"	56.204.614.125	56.646.176.750
+ Đối tượng khác	503.189.151.984	353.741.012.357
<b>b) Dài hạn</b>		
<b>Cộng</b>	<b>860.364.599.272</b>	<b>514.366.615.308</b>

### c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

Đối tượng	Mối quan hệ	30/06/2016	01/01/2016
+ Công ty Cp Tập đoàn Sao Mai	Cổ đông lớn	35.981.086.371	41.600.000

### 04 . PHẢI THU KHÁC

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>203.090.156.497</b>	<b>264.000.000</b>	<b>201.681.589.045</b>	<b>158.400.000</b>
Tạm ứng	117.104.702.728		143.251.933.959	
Cho mượn	941.501.500			
Các khoản chi hộ	14.436.114.714			
Phải thu khác	70.607.837.555	264.000.000	58.429.655.086	158.400.000
+ Cty CP Tập đoàn Sao Mai			4.955.169.751	
+ Công ty TNHH MTV TXD-TM An Thịnh			1.649.770.000	
+ Công ty CP VISTAR			535.002.000	
+ Công ty TNHH MTV Xây Dựng TM An Lành			1.978.281.000	
+ Nguyễn Văn Sơn	22.416.600.000			
+ Đối tượng khác	48.191.237.555	264.000.000	49.311.432.335	158.400.000
<b>b) Dài hạn</b>	<b>41.312.419.450</b>		<b>7.101.044.450</b>	
Ký cược, ký quỹ	41.312.419.450		7.101.044.450	
<b>Cộng</b>	<b>244.402.575.947</b>	<b>264.000.000</b>	<b>208.782.633.495</b>	<b>158.400.000</b>

### 05 . NỢ XẤU

1. Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
+ LLC "Sata Fish Ltd"	9.305.381.250	2.791.614.375	9.378.487.500	2.813.546.250
+ Alfredo Foods Group	8.917.729.425		8.987.790.150	
	8.951.353.092		9.021.677.976	
+ Lapson International Trading Ltd	6.767.848.222		4.429.352.897	
+ Sarl Globe Alliance	6.982.722.450		7.037.581.100	
+ Tian Ye Aquatic Products Co. Ltd	6.441.932.228	3.220.966.114	6.492.542.245	4.544.779.571
+ Đối tượng khác	6.917.380.604	1.881.069.981	9.359.243.607	2.795.416.763
<b>Cộng</b>	<b>54.284.347.271</b>	<b>7.893.650.470</b>	<b>54.706.675.475</b>	<b>10.153.742.584</b>

2. Thông tin về các khoản tiền phạt, phải thu về lãi trả chậm...phát sinh từ các khoản nợ quá hạn nhưng không được ghi nhận doanh thu: Không có

### 06. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	15.604.510.045		61.838.805.365	
- Công cụ, dụng cụ	561.055.742		533.072.160	
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	22.951.519.119		109.060.593.532	
- Thành phẩm	434.061.730.157	(196.330.586)	365.036.779.094	
- Hàng hóa	109.291.921.201		153.370.094.884	
- Hàng gửi đi bán	8.622.880.769		5.588.478.764	
- Hàng hóa bất động sản	72.365.267.663		75.199.475.663	
<b>Cộng</b>	<b>663.458.884.696</b>	<b>(196.330.586)</b>	<b>770.627.299.462</b>	

#### Ghi chú:

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối kỳ: Không có
- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối kỳ: 394.226.049.175 VND.

### 07. TÀI SẢN DỒ DANG DÀI HẠN

#### a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn

#### b) Xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2016	01/01/2016
Mua sắm	98.199.998	98.199.998
Xây dựng cơ bản	15.078.159.605	10.543.537.120
+ Khu công nghiệp huyện Lấp Vò	1.565.846.400	1.565.846.400
+ Nhà máy tinh lọc dầu cá	2.303.760.446	1.976.218.046
+ Khu đất tái định cư	4.421.428.154	4.294.192.724
+ Nhà máy thức ăn	4.129.221.655	
+ Công trình khác	2.657.902.950	2.707.279.950
<b>Cộng</b>	<b>15.176.359.603</b>	<b>10.641.737.118</b>

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

### 08. TÀNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý	TSCĐ khác	Cộng
<b>I. Nguyên giá</b>						
1. Số dư đầu kỳ	299.195.531.012	310.558.959.187	11.341.586.321	1.070.684.618	4.272.506.059	626.439.267.197
2. Số tăng trong kỳ		1.603.793.665			436.200.000	2.039.993.665
- Mua trong kỳ		1.603.793.665			436.200.000	2.039.993.665
- Đầu tư XDCCB hoàn thành						
- Tăng khác						
3. Số giảm trong kỳ						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác						
4. Số dư cuối kỳ	299.195.531.012	312.162.752.852	11.341.586.321	1.070.684.618	4.708.706.059	628.479.260.862
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
1. Số dư đầu kỳ	37.011.454.192	121.854.290.309	4.944.565.082	812.107.031	1.989.792.573	166.612.209.187
2. Khấu hao trong kỳ	6.205.334.790	13.444.577.323	777.535.590	47.488.110	292.699.458	20.767.635.271
- Khấu hao trong kỳ	6.205.334.790	13.444.577.323	777.535.590	47.488.110	292.699.458	20.767.635.271
- Tăng khác						
3. Giảm trong kỳ						
- Thanh lý, nhượng bán						
4. Số dư cuối kỳ	43.216.788.982	135.298.867.632	5.722.100.672	859.595.141	2.282.492.031	187.379.844.458
<b>III. Giá trị còn lại</b>						
1. Tại ngày đầu kỳ	262.184.076.820	188.704.668.878	6.397.021.239	258.577.587	2.282.713.486	459.827.058.010
2. Tại ngày cuối kỳ	255.978.742.030	176.863.885.220	5.619.485.649	211.089.477	2.426.214.028	441.099.416.404

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 101.191.249.016 VND

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 3.526.525.664 VND

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ chờ thanh lý: 0 VND

- Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: Không có

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

09. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUẾ TÀI CHÍNH		Đơn vị tính: VND					
Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý	TSCĐ khác	TSCĐ vô hình	Cộng
<b>I. Nguyên giá</b>							
1. Số dư đầu kỳ		118.418.852.098	468.912.998				118.887.765.096
2. Số tăng trong kỳ		4.042.125.000	5.517.390.000				9.559.515.000
- Thuế tài chính trong kỳ		4.042.125.000	5.517.390.000				9.559.515.000
- Mua lại TSCĐ thuế tài chính							
- Tăng khác							
3. Số giảm trong kỳ							
- Giảm khác							
4. Số dư cuối kỳ		122.460.977.098	5.986.302.998				128.447.280.096
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>							
1. Số dư đầu kỳ		3.000.534.171	6.512.681				3.007.046.852
2. Khấu hao trong kỳ		5.206.593.212	226.054.307				5.432.647.519
- Khấu hao trong kỳ		5.206.593.212	226.054.307				5.432.647.519
- Tăng khác							
3. Giảm trong kỳ							
- Giảm khác							
4. Số dư cuối kỳ		8.207.127.383	232.566.988				8.439.694.371
<b>III. Giá trị còn lại</b>							
1. Tại ngày đầu kỳ		115.418.317.927	462.400.317				115.880.718.244
2. Tại ngày cuối kỳ		114.253.849.715	5.753.736.010				120.007.585.725

- Tiền thuế phát sinh thêm được ghi nhận là chi phí trong kỳ: 3.497.339.221 VND

- Điều khoản gia hạn thuế hoặc quyền được mua tài sản: Sau khi kết thúc hợp đồng bên thuê có quyền mua lại tài sản theo thỏa thuận trong hợp đồng





## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

### 10 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

Chi tiêu	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bảng sáng chế	Phần mềm vi tính	TSCĐ vô hình khác	Cộng	Đơn vị tính: VND
<b>I. Nguyên giá</b>							
1. Số dư đầu kỳ	184.206.458.142			345.000.000		184.551.458.142	
2. Số tăng trong kỳ							
- Mua trong kỳ							
- Tặng khác							
3. Số giảm trong kỳ							
- Thanh lý, nhượng bán							
- Giảm khác							
4. Số dư cuối kỳ	184.206.458.142			345.000.000		184.551.458.142	
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>							
1. Số dư đầu kỳ	1.925.724.898			134.379.293		2.060.104.191	
2. Khấu hao trong kỳ	1.675.985.004			40.091.670		1.716.076.674	
- Khấu hao trong kỳ	1.675.985.004			40.091.670		1.716.076.674	
- Tặng khác							
3. Giảm trong kỳ							
- Thanh lý, nhượng bán							
- Giảm khác							
4. Số dư cuối kỳ	3.601.709.902			174.470.963		3.776.180.865	
<b>III. Giá trị còn lại</b>							
1. Tại ngày đầu kỳ	182.280.733.244			210.620.707		182.491.353.951	
2. Tại ngày cuối kỳ	180.604.748.240			170.529.037		180.775.277.277	

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 125.371.189.344 VND

- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng: 60.000.000 VND



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

### 11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2016	01/01/2016
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>2.162.876.548</b>	<b>1.975.119.710</b>
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	2.121.289.957	1.809.205.083
Các khoản khác	41.586.591	165.914.627
<b>b) Dài hạn</b>	<b>10.167.880.179</b>	<b>468.701.762</b>
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.163.553.202	365.327.458
Các khoản khác	9.004.326.977	103.374.304
<b>b) Lợi thế thương mại</b>	<b>122.304.233</b>	<b>146.765.078</b>
Giá trị LTTM phát sinh từ việc mua Công ty con	122.304.233	146.765.078
<b>Cộng</b>	<b>12.453.060.960</b>	<b>2.590.586.550</b>

### 12. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	30/06/2016	Trong kỳ	01/01/2016			
a) Vay ngắn hạn	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn - VND	1.317.543.683.732	1.317.543.683.732	2.014.988.434.649	1.852.269.650.347	1.154.824.899.430	1.154.824.899.430
Vay ngắn hạn - USD	331.200.785.335	331.200.785.335	500.972.794.725	479.934.024.110	310.162.014.720	310.162.014.720
<b>Cộng</b>	<b>1.648.744.469.067</b>	<b>1.648.744.469.067</b>	<b>2.515.961.229.374</b>	<b>2.332.203.674.457</b>	<b>1.464.986.914.150</b>	<b>1.464.986.914.150</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

6 tháng đầu của năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

b) Vay dài hạn	30/06/2016		Trong kỳ		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Trên 1 năm đến 5 năm	340.699.713.687	340.699.713.687	75.154.399.500	16.696.442.808	282.241.756.995	282.241.756.995
- VND	340.699.713.687	340.699.713.687	75.154.399.500	16.696.442.808	282.241.756.995	282.241.756.995
- USD						
Trên 5 năm						
<b>Cộng</b>	<b>340.699.713.687</b>	<b>340.699.713.687</b>	<b>75.154.399.500</b>	<b>16.696.442.808</b>	<b>282.241.756.995</b>	<b>282.241.756.995</b>

c) Các khoản nợ thuế tài chính đã thanh toán

Thời hạn	6 tháng đầu năm 2016		6 tháng đầu năm 2015	
	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính	Trả nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính	Trả tiền lãi thuế
Trên 1 năm trở xuống	12.334.679.832	3.341.033.082	8.993.646.750	
Trên 1 năm đến 5 năm	517.634.139	156.306.139	361.328.000	6.414.741.012
Trên 5 năm			67.244.630.904	
<b>Cộng</b>	<b>12.852.313.971</b>	<b>3.497.339.221</b>	<b>67.244.630.904</b>	<b>6.414.741.012</b>

d) Giá trị nợ thuế tài chính

Ngắn hạn	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá đánh giá lại	Giá gốc	Giá đánh giá lại	Giá gốc
Gốc nợ thuế tài chính	8.993.646.917	8.993.646.917	17.987.293.667	17.987.293.667
Dài hạn	8.993.646.917	8.993.646.917	17.987.293.667	17.987.293.667
Gốc nợ thuế tài chính	68.853.568.510	68.853.568.510	60.802.896.510	60.802.896.510
Gốc nợ thuế tài chính	68.853.568.510	68.853.568.510	60.802.896.510	60.802.896.510
<b>Cộng</b>	<b>77.847.215.427</b>	<b>77.847.215.427</b>	<b>78.790.190.177</b>	<b>78.790.190.177</b>



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

e) Các khoản vay và nợ thuê tài chính đối với các bên liên quan: Không có

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Lãi suất	Kỳ hạn	Giá trị
<b>d) Trái phiếu thường</b>				
+ <b>Dài hạn</b>	<b>146.552.575.760</b>			
Loại phát hành theo mệnh giá	146.552.575.760	10,4%/năm	36 tháng	
<b>Cộng</b>	<b>146.552.575.760</b>			

### 13 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Ngắn hạn</b>				
+ Công ty TNHH MTV Mỹ Kiều			18.400.202.920	18.400.202.920
+ Hợp tác xã Nuôi Trồng TS Chợ Mới			21.985.478.000	21.985.478.000
+ Công ty CP du lịch Đồng Tháp			20.163.666.000	20.163.666.000
+ Công ty CP Tập đoàn Sao Mai			1.523.316.675	1.523.316.675
+ Phải trả cho các đối tượng khác			178.429.913.850	279.770.507.032
<b>Cộng</b>	<b>274.773.184.045</b>	<b>274.773.184.045</b>	<b>341.843.170.627</b>	<b>341.843.170.627</b>

c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán: Không có



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

**d) Phải trả người bán là các bên liên quan**

Đối tượng	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Mối quan hệ</i>				
+ Công ty Cổ Phần Nhựt Hồng		100.000.000		100.000.000
+ Công ty Cp Tập đoàn Sao Mai	96.343.270.195	96.343.270.195	1.523.316.675	1.523.316.675
<b>14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC</b>				
<b>a) Phải nộp</b>				
	01/01/2016	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	30/06/2016
Thuế thu nhập doanh nghiệp - hoạt động SXKD chính	11.180.877.686	6.420.472.063	6.535.844.282	11.065.505.467
Thuế GTGT	306.910.071	1.121.344.236	720.085.732	708.168.575
Thuế thu nhập cá nhân	273.958.012	292.597.935	390.387.402	176.168.545
Thuế tài nguyên	26.295.000	21.735.000	40.350.000	7.680.000
<b>Cộng</b>	<b>11.788.040.769</b>	<b>7.856.149.234</b>	<b>7.686.667.416</b>	<b>11.957.522.587</b>
<b>b) Phải thu</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp - hoạt động KD bất động sản	01/01/2016	Số phải thu trong kỳ	Số đã thu trong kỳ	30/06/2016
	606.688.113		45.548.189	561.139.924
<b>Cộng</b>	<b>606.688.113</b>		<b>45.548.189</b>	<b>561.139.924</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

### 15 . PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>27.543.829.232</b>	<b>23.417.266.270</b>
Tài sản thừa chờ giải quyết	52.287.503	52.287.503
Kinh phí công đoàn	906.005.852	809.586.648
Bảo hiểm xã hội	595.587.435	89.050.000
Bảo hiểm y tế	53.212.500	
Bảo hiểm thất nghiệp	38.921.000	
Phải trả về cổ phần hóa		
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	7.601.572.851	14.774.436.472
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	690.250.000	690.250.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	17.605.992.091	7.001.655.647
<b>b) Dài hạn</b>		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn		
Các khoản phải trả, phải nộp khác		
<b>Cộng</b>	<b><u>27.543.829.232</u></b>	<b><u>23.417.266.270</u></b>

### c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán

### 16 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>124.111.011</b>	
Các khoản doanh thu chưa thực hiện khác	124.111.011	
<b>b) Dài hạn</b>		
Các khoản doanh thu chưa thực hiện khác		
<b>Cộng</b>	<b><u>124.111.011</u></b>	

### c) Khả năng không thực hiện được hợp đồng với khách hàng : Không có

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

### 17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

#### 1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Đơn vị tính: VND						
	Vốn góp của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>456.000.000.000</b>	<b>17.668.800.000</b>		<b>22.098.818.751</b>	<b>132.125.747.184</b>		<b>627.893.365.935</b>
Tăng vốn trong năm trước	527.250.000.000						527.250.000.000
Lãi trong năm trước					100.162.760.709		100.162.760.709
Lợi ích cổ đông không kiểm soát						102.377.823.646	102.377.823.646
Phân phối cho Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu				901.154.720			901.154.720
Trích quỹ từ lợi nhuận							
Chia cổ tức bằng cổ phiếu					(128.250.000.000)		(128.250.000.000)
Thù lao hội đồng quản trị					(804.000.000)		(804.000.000)
Giảm khác		(402.000.000)	(42.000.000)	(1.320.716.854)	(7.085.627.412)		(8.850.344.266)
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>983.250.000.000</b>	<b>17.266.800.000</b>	<b>(42.000.000)</b>	<b>21.679.256.617</b>	<b>96.148.880.481</b>	<b>102.377.823.646</b>	<b>1.220.680.760.744</b>
Tăng vốn trong kỳ này	832.846.710.000						832.846.710.000
Lãi trong kỳ này					73.497.918.192		73.497.918.192
Lợi ích cổ đông không kiểm soát						104.749.159.853	104.749.159.853
Phân phối cho Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu				2.136.081.618			2.136.081.618
Trích quỹ từ lợi nhuận					(3.204.122.427)		(3.204.122.427)
Thù lao hội đồng quản trị					(792.000.000)		(792.000.000)
Giảm khác		(206.100.000)		(443.329.443)			(649.429.443)
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>1.816.096.710.000</b>	<b>17.060.700.000</b>	<b>(42.000.000)</b>	<b>23.372.008.792</b>	<b>165.650.676.246</b>	<b>104.749.159.853</b>	<b>2.126.887.254.891</b>



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

17. 2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	30/06/2016	%	01/01/2016	%
Vốn góp của công ty mẹ				
Vốn góp của các đối tượng khác	1.816.096.710.000	100,00%	983.250.000.000	100,00%
<b>Cộng</b>	<b>1.816.096.710.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>983.250.000.000</b>	<b>100,00%</b>

### 17. 3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ này	Năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:		
- Vốn góp đầu kỳ	983.250.000.000	456.000.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	832.846.710.000	527.250.000.000
- Vốn góp giảm trong kỳ		
- Vốn góp cuối kỳ	1.816.096.710.000	983.250.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		128.250.000.000

### 17. 4. Cổ phiếu

	30/06/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	181.609.671	98.325.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	181.609.671	98.325.000
- Cổ phiếu phổ thông	181.609.671	98.325.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	181.609.671	98.325.000
- Cổ phiếu phổ thông	181.609.671	98.325.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu		

### 17. 5. Các quỹ của công ty:

	30/06/2016	01/01/2016
Quỹ đầu tư phát triển	23.372.008.792	21.679.256.617
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		

### 17. 6. Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu theo qui định của các chuẩn mực kế toán cụ thể

Thù lao hội đồng quản trị	792.000.000
---------------------------	-------------

### 18. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại	30/06/2016	01/01/2016
- Dollar Mỹ (USD)	1.641.640,47	1.159.877,70
- Bảng Anh (EUR)	2.131,98	1.835,00
- Đô la Hồng Kông (HKD)	14.860,00	14.860,00
- Nhân dân tệ (CNY)	34.941,00	





## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

### VI . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

#### 01 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
<b>a) Doanh thu</b>		
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm cá tra	835.706.762.243	1.077.037.657.141
Doanh thu Bột Cá, mỡ cá	414.931.789.768	
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm thức ăn chăn nuôi	634.501.139.874	
Doanh thu cung cấp dịch vụ	26.150.432.554	723.774.998
Doanh thu bất động sản	2.583.420.455	3.044.321.964
Doanh thu từ dầu cá		
Doanh thu từ đầu tư xây dựng		77.126.262.102
+ Doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong kỳ		77.126.262.102
+ Tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng được ghi nhận đến thời điểm lập BCTC		
Doanh thu khác	456.707.728	1.727.724.954
<b>Cộng</b>	<b>1.914.330.252.622</b>	<b>1.159.659.741.159</b>

#### b) Doanh thu đối với các bên liên quan

Đối tượng	Mối quan hệ	6 tháng đầu năm 2016
+ Công ty CP Tập đoàn Sao Mai	Cổ đông lớn	63.463.570.614

#### 02 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Chiết khấu thương mại		27.076.739.463
Giảm giá hàng bán	217.426.401	729.139.471
Hàng bán bị trả lại	969.320.000	785.487.704
<b>Cộng</b>	<b>1.186.746.401</b>	<b>28.591.366.638</b>

#### 03 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm cá tra đã bán	744.659.829.529	892.406.712.206
Doanh thu Bột Cá, mỡ cá	392.768.276.770	
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm thức ăn chăn nuôi đã bán	570.822.163.903	
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	19.347.168.831	2.944.585.787
Giá vốn của bất động sản	1.539.750.000	1.492.775.795
Giá vốn từ đầu tư xây dựng hạ tầng		67.066.314.871
Giá vốn khác	440.344.092	588.320.954
<b>Cộng</b>	<b>1.729.577.533.125</b>	<b>964.498.709.613</b>

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

### 04 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	21.616.629.356	1.108.382.876
Lãi bán các khoản đầu tư	7.736.100.000	
Cổ tức, lợi nhuận được chia		
Lãi chênh lệch tỷ giá	11.284.901.189	3.309.332.553
Doanh thu hoạt động tài chính khác	659.739.588	36.945.838
<b>Cộng</b>	<b>41.297.370.133</b>	<b>4.454.661.267</b>

### 05 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Lãi tiền vay	59.636.026.590	50.227.802.686
Lỗ chênh lệch tỷ giá	9.605.356.829	11.212.108.853
Lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư		(2.952.055.027)
Chi phí tài chính khác	2.324.071.444	1.174.139.947
<b>Cộng</b>	<b>71.565.454.863</b>	<b>59.661.996.459</b>

### 06 . CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
<b>06 . 1. Chi phí bán hàng</b>		
Chi phí nhân viên	2.636.011.210	3.154.975.876
Chi phí công cụ, dụng cụ	2.515.703	
Chi phí khấu hao	233.564.082	
Chi phí vận chuyển hàng hóa	27.647.314.827	27.768.164.355
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.388.727.197	187.386.080
Chi phí bằng tiền khác	23.276.224.563	22.273.071.642
<b>Cộng</b>	<b>56.184.357.582</b>	<b>53.383.597.953</b>
<b>06 . 2. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
Chi phí nhân viên	10.423.016.367	6.866.993.675
Chi phí công cụ, dụng cụ	223.793.645	
Chi phí khấu hao	1.597.001.480	
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	1.837.763.910	2.735.059.181
Chi phí dịch vụ mua ngoài	150.198.060	
Các khoản chi phí QLDN khác	4.737.926.645	6.759.934.340
<b>Cộng</b>	<b>18.969.700.107</b>	<b>16.361.987.196</b>

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

### 07 . THU NHẬP KHÁC

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ		11.175.271.193
Tiền phạt thu được	1.878.900.415	3.623.968
Các khoản khác	29.969.106	17.111.892.648
<b>Cộng</b>	<b>1.908.869.521</b>	<b>28.290.787.809</b>

### 08 . CHI PHÍ KHÁC

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ		1.750.273.549
Phân bổ CCDC		540.745.478
Các khoản bị phạt	728.639.677	193.125.623
Các khoản khác	153.254.008	193.125.623
<b>Cộng</b>	<b>881.893.685</b>	<b>2.484.144.650</b>

### 09 . CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	917.591.479.983	673.910.849.362
Chi phí nhân công	97.925.229.512	53.199.519.262
Chi phí khấu hao tài sản cố định	21.368.987.031	18.072.630.323
Chi phí dịch vụ mua ngoài	27.822.246.878	22.179.285.580
Chi phí khác bằng tiền	60.931.117.570	9.653.641.533
<b>Cộng</b>	<b>1.125.639.060.974</b>	<b>777.015.926.060</b>

### 10 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	6.273.276.671	6.799.238.474
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các kỳ trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành kỳ này	192.743.581	5.623.210.074
<b>Cộng</b>	<b>6.466.020.252</b>	<b>12.422.448.548</b>

### VII . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

**01 . Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai:**

6 tháng đầu năm  
2016

- Mua tài sản bằng cách nhận các khoản liên quan trực tiếp hoặc thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính

9.559.515.000

**02 . Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng: Không có**

**03 . 3. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ**

6 tháng đầu năm 2016

- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường  
- Tiền thu từ phát hành trái phiếu thường

2.591.069.946.432

150.000.000.000

**04 . 4. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ:**

6 tháng đầu năm 2016

- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường:

2.342.135.192.419

### VIII . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

**01 . Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: Không có**

**02 . Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện trọng yếu khác nào phát sinh sau ngày 30/06/2016 cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**03 Thông tin về các bên liên quan**

**a. Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan:**

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan bao gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này

- Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	792.000.000	804.000.000
Tiền lương	1.483.715.385	1.000.921.260

**b. Giao dịch với các bên liên quan khác:**

Bên liên quan	Mối quan hệ
+ Công ty CP Tập đoàn Sao Mai	Cổ đông lớn
+ Công ty CP Nhựt Hồng	Công ty góp vốn

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Trong kỳ, Công ty có phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch (VND)
+ Công ty CP Tập đoàn Sao Mai		
	- Bán nguyên liệu chế biến thức ăn cho cá	35.939.486.371
	- Bán cá tra nguyên liệu	27.816.127.057
	- Chi hệ phí hoa hồng	105.009.600
	- Chi hệ phí ủy thác xuất khẩu	228.541.057
	- Chi hệ tiền bảo hiểm	845.000
	- Chi hệ phí gia công nuôi cá	2.393.078.753
	- Ứng trước tiền tổng thầu - Nhà máy thức ăn	259.254.399.500
	- Mua cá nguyên liệu	8.045.154.708
	- Mua thành phẩm bột cá	142.236.618.942

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Các khoản phải thu (VND)
+ Công ty CP Tập đoàn Sao Mai		
	- Bán nền Bình Khánh	41.600.000
	- Tiền bán nguyên liệu thức ăn	35.939.486.371
	- Tiền chi hệ phí hoa hồng	14.436.114.714
	- Tiền bảo hiểm	845.000
	- Tiền chi dùm phí gia công nuôi cá	2.393.078.753
	- Ứng trước tiền xây dựng nhà máy thức ăn	328.044.399.500

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị khoản phải trả (VND)
+ Công ty CP Tập đoàn Sao Mai		
	- Tiền mua cá nguyên liệu	8.045.154.708
	- Tiền mua thức ăn cho cá	82.219.170.957
	- Tiền mua bột cá	3.897.660.000
	- Tiền ủy thác xuất khẩu	2.181.284.530
	- Tiền chi dùm bảo hiểm	18.655.000

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

6 tháng đầu của năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

### 04 . Thông tin bộ phận

#### a. Báo cáo bộ phận chính yếu theo khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bổ chủ yếu ở khu vực trong nước và khu vực nước ngoài

- Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty

Chi tiêu	6 tháng đầu năm 2016			6 tháng đầu năm 2015		
	Trong nước	Nước ngoài	Tổng cộng	Trong nước	Nước ngoài	Tổng cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	1.226.724.142.738	686.419.363.483	1.913.143.506.221	539.285.097.708	591.783.276.813	1.131.068.374.521
<b>Tổng doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>1.226.724.142.738</b>	<b>686.419.363.483</b>	<b>1.913.143.506.221</b>	<b>539.285.097.708</b>	<b>591.783.276.813</b>	<b>1.131.068.374.521</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	99.580.987.259	83.984.985.837	183.565.973.096	58.317.656.959	108.252.007.949	166.569.664.908
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(75.154.057.689)			(69.745.585.149)
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>108.411.915.407</b>		<b>108.411.915.407</b>			<b>96.824.079.759</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	41.297.370.133		41.297.370.133			4.454.661.267
Chi phí tài chính	(71.565.454.863)		(71.565.454.863)			(59.661.996.459)
Phần lãi hoặc lỗ trong Công ty liên doanh liên kết	2.721.138.695		2.721.138.695			12.120.341.284
Thu nhập khác	1.908.869.521		1.908.869.521			28.290.787.809
Chi phí khác	(881.893.685)		(881.893.685)			(2.484.144.650)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	(6.466.020.252)		(6.466.020.252)			(12.422.448.548)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại						
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>75.425.924.956</b>		<b>75.425.924.956</b>			<b>67.121.280.462</b>
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	266.548.638.569		266.548.638.569			155.813.232.769
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>30.598.336.761</b>		<b>30.598.336.761</b>			<b>41.031.160.212</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

6 tháng đầu của năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

- Tài sản và nợ phải trả bộ phận theo khu vực địa lý

Chỉ tiêu	30/06/2016		01/01/2016	
	Trong nước	Nước ngoài	Tổng cộng	Tổng cộng
Tài sản bộ phận	1.361.199.316.404	227.495.427.373	1.588.694.743.777	747.996.180.190
Tài sản không phân bổ		3.106.405.200.401		2.732.213.202.018
<b>Tổng tài sản</b>	<b>1.361.199.316.404</b>	<b>227.495.427.373</b>	<b>520.500.752.817</b>	<b>3.480.209.382.208</b>
Nợ phải trả bộ phận	208.235.124.215	208.235.124.215	194.598.379.955	435.074.186.975
Nợ phải trả không phân bổ		2.359.977.565.072		1.824.454.434.489
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>208.235.124.215</b>	<b>2.568.212.689.287</b>	<b>194.598.379.955</b>	<b>2.259.528.621.464</b>

b. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo lĩnh vực kinh doanh

6 tháng đầu năm 2016

Chỉ tiêu	Doanh thu Bột Cá, mỡ cá		Doanh thu thức ăn chăn nuôi		Khác	Tổng
	Sản xuất chế biến cá tra	Sản xuất chế biến cá tra	Xây dựng	Khác		
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	834.520.015.842	414.931.789.768	634.501.139.874	29.190.560.737		1.913.143.506.221
Tài sản bộ phận	875.649.952.194	319.004.914.567	394.039.877.016			1.588.694.743.777
Tài sản không phân bổ						3.106.405.200.401
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác						266.548.638.569
<b>6 tháng đầu năm 2015</b>						
Chỉ tiêu	Doanh thu Bột cá, mỡ cá, dầu cá		Doanh thu Bất động sản		Khác	Tổng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	Sản xuất chế biến cá tra	Sản xuất chế biến cá tra	Xây dựng	Khác		
Tài sản không phân bổ	814.247.636.302	1.175.425.964	236.686.854.201	77.646.362.102		1.131.068.374.521
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác						3.196.450.922.074
						155.813.232.769



## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

6 tháng đầu của năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

### **05 . Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính**

	Giá trị số sách		Giá trị hợp lý	
	30/06/2016	01/01/2016	30/06/2016	01/01/2016
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	426.726.342.831		426.726.342.831	468.896.056.459
Phải thu khách hàng	860.364.599.272		860.364.599.272	514.366.615.308
Trả trước cho người bán	837.094.261.805		837.094.261.805	388.088.340.747
Các khoản phải thu khác	244.402.575.947		244.402.575.947	208.782.633.495
Đầu tư tài chính ngắn hạn	916.222.862.388		916.222.862.388	319.144.862.388
Đầu tư tài chính dài hạn	14.000.000.000		14.000.000.000	71.278.861.305
<b>Cộng</b>	<b>2.368.587.779.855</b>		<b>2.368.587.779.855</b>	<b>1.580.133.646.009</b>
			<b>Giá trị hợp lý</b>	<b>Giá trị hợp lý</b>
			30/06/2016	01/01/2016
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Phải trả cho người bán	274.773.184.045		274.773.184.045	341.843.170.627
Người mua trả tiền trước	18.959.691.856		18.959.691.856	29.724.547.624
Vay và nợ	2.213.843.973.941		2.213.843.973.941	1.826.018.861.322
Phải trả người lao động	14.823.766.737		14.823.766.737	21.527.489.783
Các khoản phải trả khác	27.543.829.232		27.543.829.232	23.417.266.270
<b>Cộng</b>	<b>2.549.944.445.811</b>		<b>2.549.944.445.811</b>	<b>2.242.531.335.626</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giá định sau để ước tính giá trị hợp lý:





## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

6 tháng đầu của năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán, người lao động, cổ phiếu chuyển đổi và các khoản phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.

- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết. Tuy nhiên Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

### **06 . Mục đích và chính sách quản lý rủi ro của Công ty**

#### **a. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

#### **- Phải thu khách hàng**

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chi giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

#### **- Tiền gửi ngân hàng**

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

#### **b. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.



## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

6 tháng đầu của năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
Phải trả cho người bán	274.773.184.045			274.773.184.045
Người mua trả tiền trước	18.959.691.856			18.959.691.856
Vay và nợ	1.657.738.115.984	556.105.857.957		2.213.843.973.941
Chi phí phải trả				
Các khoản phải trả phải nộp khác	27.543.829.232			27.543.829.232
<b>Cộng</b>	<b>1.979.014.821.117</b>	<b>556.105.857.957</b>		<b>2.535.120.679.074</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

### c. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản đặt cọc và các khoản đầu tư tài chính.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

#### - Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty xuất khẩu sản phẩm với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau: Nguyên tệ USD

Chi tiêu	30/06/2016	01/01/2016
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.641.640,47	1.433.722,67
Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác	8.670.079,97	10.537.576,72
Phải trả cho người bán và các khoản phải trả khác	(982.022,63)	(980.051,64)
Vay và nợ thuê tài chính	(15.124.529,49)	(13.772.736,00)
<b>Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ</b>	<b>(5.794.831,68)</b>	<b>(2.781.488,25)</b>

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần của Công ty sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường trong tương lai. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất, và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và đi vay.

	Ảnh hưởng đến lợi nhuận thuần	
	30/06/2016	01/01/2016
Tỷ giá hối đoái VND và USD tăng 2%	(2.604.216.973)	(1.269.542.127)
Tỷ giá hối đoái VND và USD giảm 2%	2.604.216.973	1.269.542.127

#### - Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

#### - Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư dẫn đến giá trị khoản dự phòng giảm giá đầu tư có thể tăng/giảm. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Ban Giám đốc của công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Công ty sẽ tiến hành việc phân tích và trình bày độ nhạy do tác động của biến động giá cổ phiếu đến kết quả kinh doanh của Công ty khi có các hướng dẫn chi tiết bởi các cơ quan quản lý.

### d. Tài sản đảm bảo

#### - Tài sản thế chấp cho đơn vị khác:

Công ty đã sử dụng các khoản phải thu, hàng tồn kho, tài sản cố định hữu hình, quyền sử dụng đất làm tài sản thế chấp cho các khoản vay từ Ngân hàng. Giá trị sổ sách của các tài sản thế chấp như sau:

	30/06/2016	01/01/2016
Các khoản phải thu	814.378.000.000	
Hàng tồn kho	394.226.049.176	
Tài sản cố định hữu hình	106.781.369.414	106.781.369.414
Quyền sử dụng đất	125.371.189.344	111.705.743.807

#### - Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác vào ngày 30 tháng 06 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015.

### 07. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong kỳ kế toán, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

### 08. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2015 kết thúc ngày 31/12/2015 và Báo cáo tài chính hợp nhất cho 06 tháng đầu năm 2015 kết thúc ngày 30/06/2015 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH DV Tư vấn Tài chính Kế toán & Kiểm toán Phía Nam (AASCs).

Đồng Tháp, ngày 29 tháng 07 năm 2016

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng

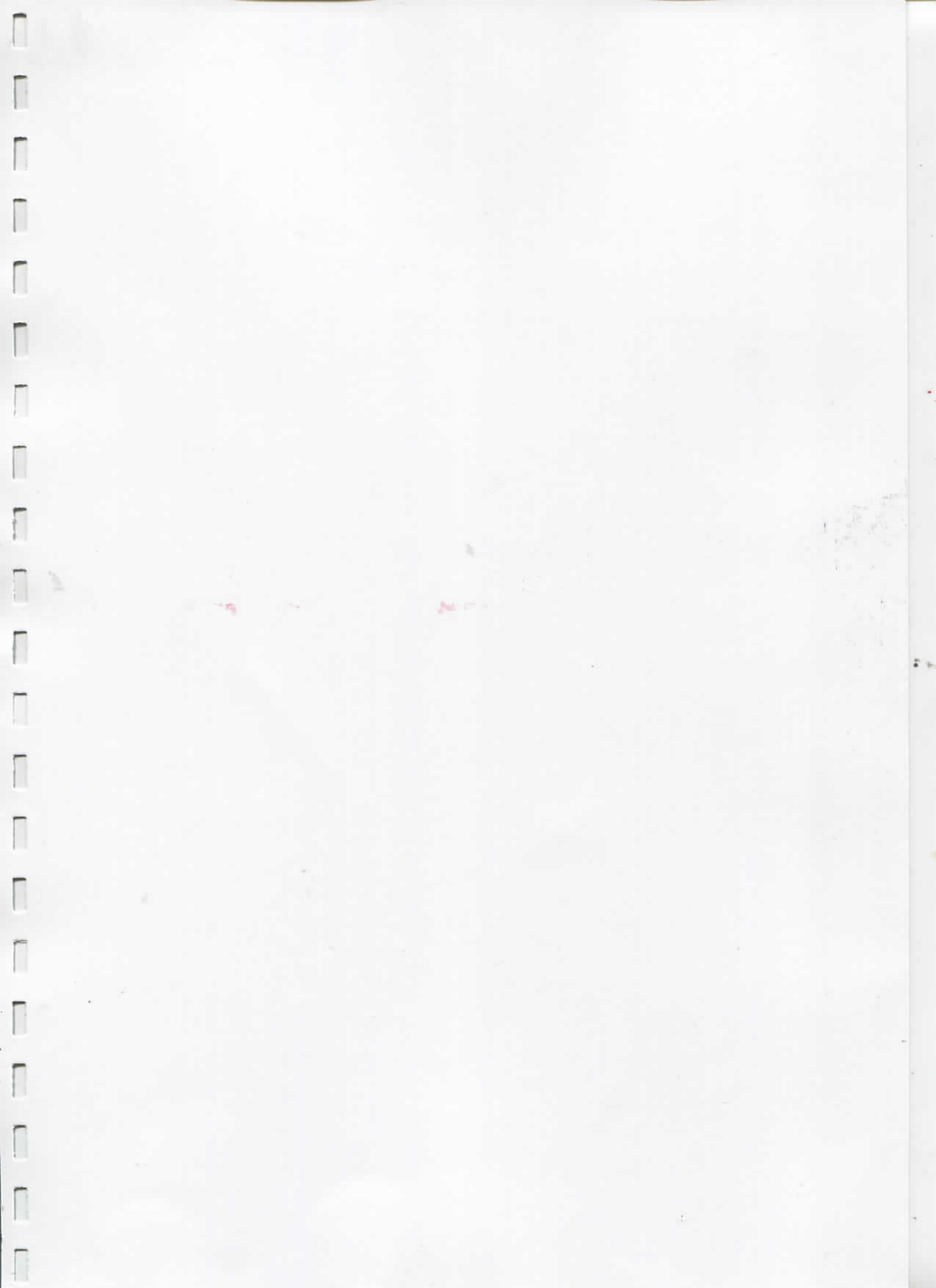
Tổng Giám đốc

TRẦN PHƯỚC MINH

LÊ XUÂN ĐỊNH

LÊ VĂN CHUNG





## **CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG CỦA AASCS:**

### **1. DỊCH VỤ KIỂM TOÁN:**

- Kiểm toán báo cáo tài chính.
- Kiểm toán vì mục đích thuế.
- Kiểm toán hoạt động - tuân thủ - nội bộ.
- Kiểm toán quyết toán vốn đầu tư công trình xây dựng cơ bản hoàn thành.
- Kiểm toán báo cáo quyết toán dự án hoàn thành.
- Kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp.
- Soát xét báo cáo tài chính.
- Kiểm toán các thông tin tài chính.

### **2. DỊCH VỤ KẾ TOÁN:**

- Dịch vụ ghi sổ kế toán và lập báo cáo tài chính.
- Dịch vụ báo cáo thuế.
- Xây dựng các mô hình tổ chức bộ máy & tổ chức công tác kế toán.

### **3. DỊCH VỤ TƯ VẤN:**

- Tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp.
- Tư vấn cổ phần hóa: xây dựng phương án cổ phần hóa, phương án kinh doanh, Điều lệ công ty, tư vấn tổ chức đại hội cổ đông, quyết toán chi phí cổ phần hóa.
- Tư vấn thuế.
- Tư vấn quản lý doanh nghiệp.
- Tư vấn tài chính - kế toán, phân tích tài chính.

### **4. ĐÀO TẠO NHÂN VIÊN VÀ CÁC DỊCH VỤ KHÁC:**

- Tổ chức các khóa học bồi dưỡng nghiệp vụ tài chính, kế toán, kiểm toán, quản trị doanh nghiệp, ứng dụng tin học trong công tác kế toán.
- Cung cấp và hướng dẫn sử dụng phần mềm kế toán.
- Cung cấp các văn bản pháp qui, các thông tin kinh tế - tài chính, sổ sách biểu mẫu, chứng từ.
- Hỗ trợ tuyển dụng nhân viên.

## **WIDE RANGE OF AASCS SERVICES:**

### **1. AUDITING SERVICES:**

- Audit of financial statements;
- Audit for taxation;
- Audit of operation - conformity - internal;
- Audit of the final accounts of basic construction investment;
- Audit of the completed projects final accounts;
- Audit of assets valuation for enterprises;
- Review of financial statements;
- Audit of financial information.

### **2. ACCOUNTING SERVICES:**

- Recording the accounts and financial statements services;
- Taxation reports services;
- Establishment of the organizational kinds of apparatus & accounting.

### **3. CONSULTANCY SERVICES:**

- Consultancy of assets valuation for enterprise;
- Consultancy of privatization: founding the privatized plan, business plan, company regulations, holding the shareholder's meeting, final accounts of privatization expenditure;
- Consultancy of taxation;
- Consultancy of business management;
- Consultancy of finance - accounting, financial analysis.

### **4. STAFF TRAINING AND OTHER SERVICES:**

- Launching the development courses of finance, accounting, auditing, business management, and courses of informatics applications in accounting;
- Provision and introductions to use the accounting software;
- Providing the statutory documents, economic financial information, books, vouchers;
- Assisting in staffs recruitment.